

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 350/CV-TST

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động  
lợi nhuận Quý 2/2022 so với cùng kỳ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty: CTY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 102 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q1, TP.HCM

Mã chứng khoán: VPS

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất quý 2 năm 2022 của Công ty cổ phần Thuốc sắt trùng Việt Nam;

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất quý 2 năm 2022 của Công ty thay đổi hơn 10% so với Báo cáo cùng kỳ năm trước, như sau:

**SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG**

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1.	Doanh thu	137.347.635.524	137.538.321.061	(190.685.537)	-0,1%
2.	Giảm trừ	8.044.915.457	6.662.061.577	1.382.853.880	20,8%
3.	Doanh thu thuần	129.302.720.067	130.876.259.484	(1.573.539.417)	-1,2%
4.	Giá vốn	94.272.699.701	91.417.964.934	2.854.734.767	3,1%
5.	Lãi gộp	35.030.020.366	39.458.294.550	(4.428.274.184)	-11,2%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	4.514.353.906	689.767.082	3.824.586.824	554,5%
7.	Chi phí tài chính	3.174.144.594	2.668.797.618	505.346.976	18,9%
8.	Chi phí bán hàng	18.483.332.323	22.670.343.905	(4.187.011.582)	-18,5%
9.	Chi phí quản lý	12.513.128.788	11.401.711.007	1.111.417.781	9,7%



Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
10.	<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>5.373.768.567</b>	<b>3.407.209.102</b>	<b>1.966.559.465</b>	<b>57,7%</b>
11.	<b>LN khác</b>	<b>55.894.411</b>	<b>(30.910.324)</b>	<b>86.804.735</b>	
12.	<b>Tổng LN kế toán trước thuế</b>	<b>5.429.662.978</b>	<b>3.376.298.778</b>	<b>2.053.364.200</b>	<b>60,8%</b>
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(498.426.244)	(418.303.313)	(80.122.931)	19,2%
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.332.077.741	1.652.129.789	(320.052.048)	-19,4%
15.	<b>Tổng LN sau thuế</b>	<b>4.596.011.481</b>	<b>2.142.472.302</b>	<b>2.453.539.179</b>	<b>114,5%</b>

### SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1.	<b>Doanh thu</b>	<b>143.983.917.019</b>	<b>144.355.322.861</b>	<b>(371.405.842)</b>	<b>-0,3%</b>
2.	Giảm trừ	8.044.915.457	6.662.061.577	1.382.853.880	20,8%
3.	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>135.939.001.562</b>	<b>137.693.261.284</b>	<b>(1.754.259.722)</b>	<b>-1,3%</b>
4.	<b>Giá vốn</b>	<b>99.118.299.809</b>	<b>95.663.021.828</b>	<b>3.455.277.981</b>	<b>3,6%</b>
5.	<b>Lãi gộp</b>	<b>36.820.701.753</b>	<b>42.030.239.456</b>	<b>(5.209.537.703)</b>	<b>-12,4%</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.191.892.415	889.450.426	302.441.989	34,0%
7.	Chi phí tài chính	2.449.344.893	2.669.040.218	(219.695.325)	-8,2%
9.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(867.038.935)	420.961	(867.459.896)	
10.	Chi phí bán hàng	18.696.554.576	22.922.564.177	(4.226.009.601)	-18,4%
11.	Chi phí quản lý	13.746.201.484	12.670.708.734	1.075.492.750	8,5%
12.	<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>2.253.454.280</b>	<b>4.657.797.714</b>	<b>(2.404.343.434)</b>	<b>-51,6%</b>
15.	<b>LN khác</b>	<b>56.763.198</b>	<b>(60.036.372)</b>	<b>116.799.570</b>	
16.	<b>Tổng LN kế toán trước thuế</b>	<b>2.310.217.478</b>	<b>4.597.761.342</b>	<b>(2.287.543.864)</b>	<b>-49,8%</b>
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(404.170.244)	(146.678.756)	(257.491.488)	175,5%
18.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.501.260.441	1.597.708.838	(96.448.397)	-6,0%
19.	<b>Tổng LN sau thuế</b>	<b>1.213.127.281</b>	<b>3.146.731.260</b>	<b>(1.933.603.979)</b>	<b>-61,4%</b>

04888  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 C SÁT TR  
 ỆT NAI  
 TP HỒ C

+ Kết quả báo cáo riêng, trong 6 tháng đầu năm 2022, thị trường tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật gặp khó khăn do giá phân bón tăng cao ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của người nông dân, vì vậy để đảm bảo thị phần cũng như doanh số, công ty đã tăng cường một số chính sách bán hàng, điều này làm giảm tỷ lệ lợi nhuận gộp khoản 3,18% so với cùng kỳ, cùng với đó là việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên doanh (Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries) làm cho chi phí tài chính tăng hơn so với cùng kỳ. Tuy nhiên trong kỳ doanh thu tài chính tăng cao so với cùng kỳ do ghi nhận khoản phân phối lợi nhuận năm 2021 từ công ty con và công ty liên kết với khoản lợi nhuận ghi nhận là 3.674.743.583 đồng điều này giúp cho kết quả kinh doanh trên báo cáo riêng tăng hơn so với cùng kỳ.

+ Kết quả báo cáo hợp nhất, trong kỳ ảnh hưởng của việc đẩy mạnh các chính sách bán hàng làm cho tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm 3,5% so với cùng kỳ. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh (Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries) ghi nhận 867.038.935 đồng, những chỉ tiêu chủ yếu này ảnh hưởng đến lợi nhuận hợp nhất quý 2 năm 2022 so với cùng kỳ.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng lợi nhuận trên báo cáo riêng cũng như hợp nhất quý 2 năm 2022, Công ty xin thông báo đến quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thân**

